



Câu lạc bộ Schneider Electric

Dành cho người thi công điện. Hội viên tham gia CLB Schneider Electric sẽ được tham dự MIỄN PHÍ các khóa đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ, tư vấn lựa chọn và lắp đặt sản phẩm, và tham quan nhà máy. Hội viên cũng được tham gia các chương trình khuyến mãi và tích lũy điểm thưởng khi có công trình sử dụng thiết bị Schneider Electric.



Ngày hội bán hàng Schneider Electric

Dành riêng cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện khi tham gia ngày hội bán hàng sẽ được Schneider Electric phối hợp tổ chức các chương trình khuyến mãi cho người mua hàng ngay tại điểm bán hàng của đại lý, tiệm điện. Nhân viên của Schneider Electric sẽ trực tiếp tư vấn cho khách hàng và giới thiệu hội viên CLB thợ điện đến mua hàng tại đại lý, tiệm điện. Ngoài ra đại lý và tiệm điện sẽ được các phần quà khuyến mãi riêng biệt tùy theo doanh số mua vào của đại lý và tiệm điện trong suốt thời gian diễn ra chương trình.



Điểm bán hàng ủy quyền

Dành cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện tham gia chương trình sẽ được trang bị bảng hiệu, kệ trưng bày, bảng sản phẩm mẫu cùng các vật phẩm quảng cáo cần thiết khác nhằm quảng bá cho thương hiệu của đại lý và gia tăng doanh số bán hàng.



Kết nối người sử dụng

Dành cho chủ nhà và người sử dụng. Khách hàng đăng ký tham gia chương trình sẽ được tư vấn miễn phí cách thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện an toàn, tiện nghi và hiệu quả. Đặc biệt khách hàng sẽ được tham quan phòng trưng bày giải pháp Nhà Thông Minh - Wiser Home của Schneider Electric.

Dịch vụ hỗ trợ: 1800-585858 (Miễn cước cuộc gọi)
Fax: (08) 38 120 477
Email: customercare.vn@schneider-electric.com
Website: www.schneider-electric.com.vn
Facebook: www.facebook.com/SchneiderElectricVN



Phiên bản điện tử
tải tại đây

Hà Nội
Lầu 8, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Ba Đình
ĐT: (04) 3831 4037
Fax: (04) 3831 4039

Đà Nẵng
Phòng D, Lầu 6, Tòa nhà ACB
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu
ĐT: (0511) 387 2491
Fax: (0511) 387 2504

Hồ Chí Minh
Phòng 7.2, Lầu 7, Tòa nhà E-Town
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình
ĐT: (08) 3810 3103
Fax: (08) 3812 0477

Bảng giá Dành cho Đại lý

TẬP ĐOÀN THÁI AN

28 - NGUYỄN SỸ SÁCH - TP. VINH - NGHỆ AN

WEBSITE: THAIANGROUP.COM.VN

06.2015

06.2015

Bảng giá dành cho Đại lý

www.schneider-electric.com.vn



Schneider
Electric

Schneider Electric

WWW.THAIANGROUP.COM.VN

engaging customers. empowering possibility



Trường Đại Học Năng Lượng
My Energy University
Đăng ký miễn phí tại:
www.myenergyuniversity.com



Đặt đơn hàng trực tuyến
Liên hệ 1800 585858 hoặc email đến:
customercare.vn@schneider-electric.com
Để được tư vấn miễn phí



Chăm sóc khách hàng 24/7
Tìm hiểu và tải ứng dụng
miễn phí tại:
www.schneider-electric.com.vn

Mục Lục



CÔNG TẮC, Ổ CẮM ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

- 11 Series Zencelo A
- 14 Series Concept
- 16 Series S-Flexi
- 17 Ổ cắm âm sàn - Phích cắm
- 18 Series S-Classic
- 19 Hộp che phòng thấm nước
- 20 Series E30 - Series ESM
- 21 Đế âm tường và đế nổi - Hộp nối
- 21 Thiết bị cảm ứng/Hộp VDI
- 23 Thiết bị cáp mạng



THIẾT BỊ ĐẦU DÂY CÔNG NGHIỆP, PHÒNG THẨM NƯỚC

- 24 Phích cắm & ổ cắm công nghiệp sê-ri PK
- 27 Công tắc & ổ cắm phòng thấm nước sê-ri 56



THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ

- 29 Tủ điện
- 30 Easy9 MCB
- 31 Easy9 RCCB, RCBO, SPD
- 32 Acti9 iK60N & iC60N
- 33 Acti9 RCCB & RCBO
- 34 Acti9 Contactor iCT, Rờ le điều khiển bằng tín hiệu xung
- 35 Cách lựa chọn thiết bị chống sét lan truyền
- 36 Acti9 Thiết bị chống sét lan truyền
- 37 Time switch - IH/IHP - IC - Argus CDM
- 38 EasyPact EZC100
- 39 EasyPact EZC250 & EZC630
- 40 EasyPact EZCV250
- 41 EasyPact CVS100 - 630A



THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN, CÔNG NGHIỆP

- 42 CB bảo vệ động cơ dạng từ & từ nhiệt - Tesys
- 43 Khởi động từ Tesys loại D 9-150A
- 44 Relay nhiệt Tesys loại D
- 45 Khởi động từ Easypact TVS
- 46 Phụ kiện Easypact TVS
- 47 Nút nhấn - đèn báo, công tắc xoay họ XB7
- 48 Nút nhấn - công tắc xoay họ XB5...N
- 49 Rờ le trung gian 2-4C/O, 5-3A loại REXO



THIẾT BỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐIỆN

- 50 Tủ bù Easycan
- 51 Đồng hồ kỹ thuật số
- 52 Cách lựa chọn MCB Easy9

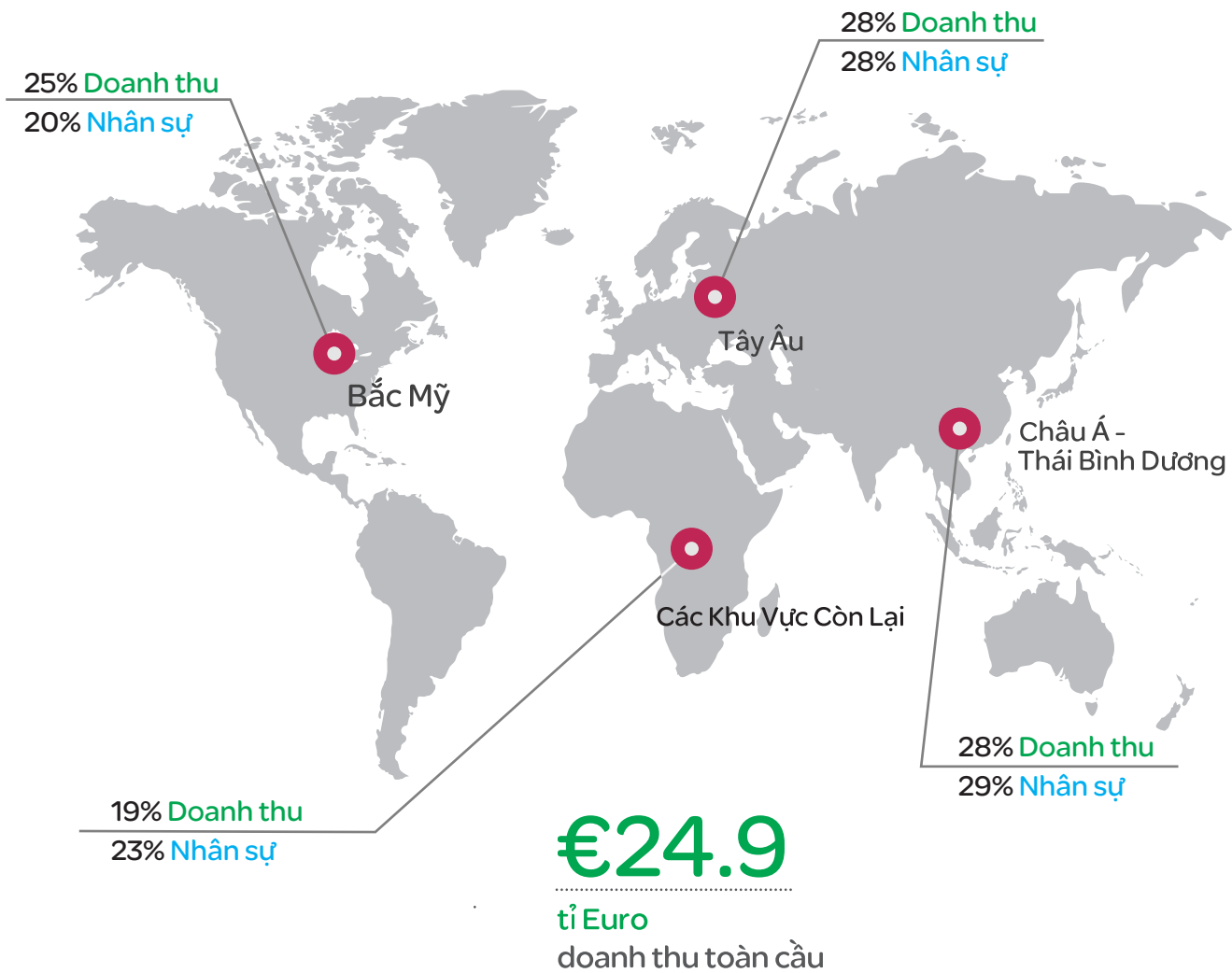
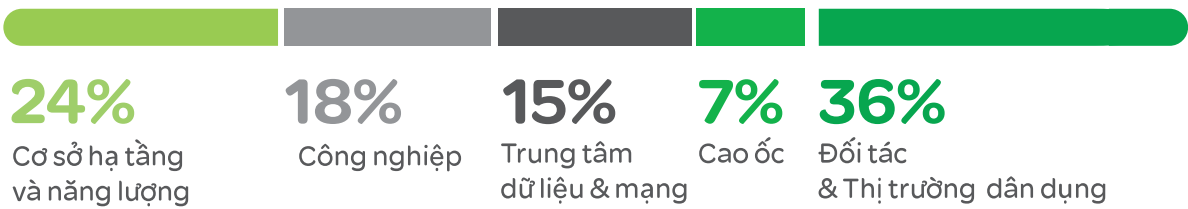
Schneider Electric at a glance

Giới thiệu sơ lược tập đoàn Schneider Electric

Được thành lập từ năm 1836, tập trung vào ngành công nghiệp nặng, Schneider Electric đã phát triển và trở thành chuyên gia hàng đầu về quản lý năng lượng trên toàn thế giới. Trong suốt lịch sử phát triển, chúng tôi đã đóng góp mạnh mẽ cho sự thay đổi của các ngành công nghiệp với tư duy sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và năng lực toàn cầu.

Ngày nay, với sự hiện diện trên 100 quốc gia và hơn 150 000 nhân viên, sứ mệnh của Schneider Electric là giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.

Doanh thu theo thị trường



Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.

Schneider Electric Headquarter Office,
Le Hive, Paris, FRANCE



Quý khách hàng thân mến,

Thành lập từ năm 1836, trải qua nhiều thập niên phát triển, ngày nay, Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.

Schneider Electric vừa kỷ niệm chặng đường 20 năm đầu tiên của mình tại Việt Nam với hơn 1,000 nhân viên làm việc tại ba văn phòng Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, hai nhà máy tại khu công nghiệp Biên Hòa và Amata, cùng hệ thống phân phối với hơn 500 đối tác, hiện diện trên khắp các tỉnh thành Việt Nam.

Với mong muốn phát triển hơn nữa tại thị trường Việt Nam, bên cạnh các dòng sản phẩm cao cấp truyền thống, Schneider Electric đã và đang giới thiệu các dòng sản phẩm kinh tế với chất lượng không đổi, kiểu dáng hiện đại, tạo điều kiện để ngày càng có nhiều khách hàng tiếp cận với các sản phẩm của Schneider Electric.

Bên cạnh đó, Schneider Electric cũng đang triển khai các chương trình hỗ trợ Quý đại lý và Quý khách hàng. Quý khách hàng có thể tìm hiểu thông tin chi tiết và cách thức đăng ký của các chương trình tại bìa 4 của bảng giá này.

Trong năm 2015, Schneider Electric sẽ tiếp tục áp dụng mức giá mới, hấp dẫn hơn cho hai dòng sản phẩm Concept và S-Flexi, và đồng thời sẽ giới thiệu dòng sản phẩm Cao Cấp Zencelo A – một chuẩn mực mới trong thiết kế của mặt hàng công tắc ổ cắm.

Những chương trình này là lời cam kết cụ thể và mạnh mẽ cho sự gắn bó dài hạn của Schneider Electric tại thị trường Việt Nam.

Xin cảm ơn sự ủng hộ của quý khách hàng trong thời gian vừa qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự hợp tác, hỗ trợ của quý khách hàng trong thời gian tới.

Xin chúc Quý khách hàng dồi dào sức khỏe, thành công.

Trân trọng,

THÁI BẢO KHÁNH
Phó Tổng Giám đốc
Schneider Electric Việt Nam



A young child with dark hair and a bandage on their right arm is pointing their index finger at a white smart light switch mounted on a wall. The switch has a blue LED light. The background shows a window with blinds.

Bộ chuông cửa cao cấp

- Nút nhấn có đèn LED định vị sang trọng
- An toàn khi lắp đặt ngoài trời
- Thiết kế trang nhã, âm thanh dễ nghe
- Chất liệu bền đẹp, chống trầy xước & ố vàng



Phong cách sống mới
cho ngôi nhà bạn

THIẾT BỊ CẢM ỨNG, HỘP VDI



SAE_UE_MS_CSAWE
SAE_UE_MS_CDDWE



SAE_UE_MS_CSBWE
SAE_UE_MS_CDAWE



SAE_UE_MS_CDBWE



E84751MS3A_WE



E84751MS3B_WE



E3751MS3A_GS



D4U001



D4FC6U-WE
D4D5FC6U



D4N001, D4B001



D4P001



D4T002



D4T002



D4V003



D4D002

Sensors- Thiết bị cảm ứng

Đơn Giá (VNĐ)

SAE_UE_MS_CSAWE	1.149.500
Cảm biến hồng ngoại gắn trần, 1 kênh 360 độ	
SAE_UE_MS_CSBWE	1.773.000
Cảm biến hồng ngoại gắn nối, 1 kênh, 360 độ	
SAE_UE_MS_CDAWE	1.970.000
Cảm biến hồng ngoại gắn nối, 2 kênh, 360 độ	
SAE_UE_MS_CDBWE	2.101.000
Cảm biến hồng ngoại âm trần, 2 kênh, 360 độ	
SAE_UE_MS_CDDWE	3.960.000
Cảm biến hồng ngoại có ngõ ra 0-10V, 2 kênh, 360 độ	
SAE_UE_MS_CU_WE	4.052.000
Cảm biến hồng ngoại & sóng siêu âm gắn trần, 1 kênh, 360 độ	
SAE_UE_MS_IR_WE	393.800
Điều khiển cảm biến từ xa (dùng cho cảm biến hồng ngoại)	
SAE_UE_MS_IR10T	393.800
Điều khiển cảm biến từ xa (dùng cho SAE_UE_MS_CU_WE)	
E84751MS3A_WE	1.576.300
Cảm biến hồng ngoại gắn tường, 3 dây, 90 độ, Zencelo	
E84751MS3B_WE	1.576.300
Cảm biến hồng ngoại gắn tường, 3 dây, 110 độ, Zencelo	
E3751MS3A_GS	1.576.300
Cảm biến hồng ngoại gắn tường, 3 dây, 90 độ, Neo	
E3751MS3C_GS	1.576.300
Cảm biến hồng ngoại gắn tường, 3 dây, 200 độ, Neo	

VDI Box- Tủ đấu nối TV, điện thoại, mạng

Đơn Giá (VNĐ)

D4U001	1.195.000
Tủ VDI 6U gồm 1 mô đun TV 1 vào 3 ra, 1 mô đun thoại 1 vào 3 ra, 1 mô đun mạng 1 vào 2 ra, không kèm nắp	
D4B001	540.000
Tủ VDI 6U trống (không gắn sẵn mô đun) không kèm nắp	
D4D5FC6U	241.000
Nắp che nhựa cho tủ D4U001 & D4B001	

VDI Modules - Mô đun thiết bị gắn cho tủ VDI

D4T001	229.000
Mô đun TV, 1 vào 2 ra	
D4T002	274.000
Mô đun TV, 1 vào 3 ra	
D4T003	314.000
Mô đun TV, 1 vào 4 ra	
D4T004	413.000
Mô đun TV, 1 vào 6 ra	
D4T005	542.000
Mô đun TV, 2 vào 6 ra	
D4V001	118.000
Mô đun thoại, 1 vào 3 ra, RJ11	
D4V003	156.000
Mô đun thoại, 1 vào 6 ra, RJ11	
D4V005	199.000
Mô đun thoại, 2 vào 8 ra, RJ11	
D4D001	162.000
Mô đun mạng cat5, 1 vào 2 ra	
D4D002	206.000
Mô đun mạng cat5, 1 vào 3 ra	
D4D003	236.000
Mô đun mạng cat5, 1 vào 4 ra	
D4D004	290.000
Mô đun mạng cat5, 2 vào 4 ra	
D4D005	1.150.000
Mô đun chuyển mạch mạng 5 cổng, 10/100Mbps, chưa nguồn	
D4P001	810.000
Mô đun nguồn, 1 vào 1 ra (dùng với D4D005)	
D4N001	36.000
Mô đun che trơn	

Đế âm tường và Đế nối - Hộp Nối



157, 157_1



CK237, CK2237



E257DBE_C5



ET257DBE_C5



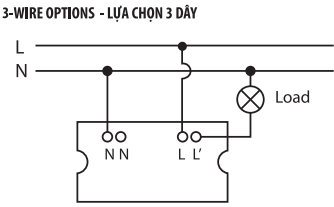
DS035_WE
DS036_WE
DS037_WE
DS038_WE
DS039_WE

DS035_WE	Hộp nối, 3" x 3" x 2"	36.300
DS036_WE	Hộp nối, 4" x 4" x 2"	39.600
DS037_WE	Hộp nối, 4" x 4" x 3"	60.500
DS038_WE	Hộp nối, 6" x 6" x 2"	81.400
DS039_WE	Hộp nối, 6" x 6" x 3"	115.500
157	Đế âm đơn kim loại, 101 x 51 x 38mm	26.400
157_1	Đế âm đơn kim loại, 101 x 51 x 51mm	30.800
CK237	Hộp nối dùng cho mặt seri 30	27.500
CK2237	Hộp nối dùng cho mặt seri 2000	27.500
E257DBE_C5	Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh	30.800
ET257DBE_C5	Đế âm cho mặt đôi chuẩn Anh	50.600

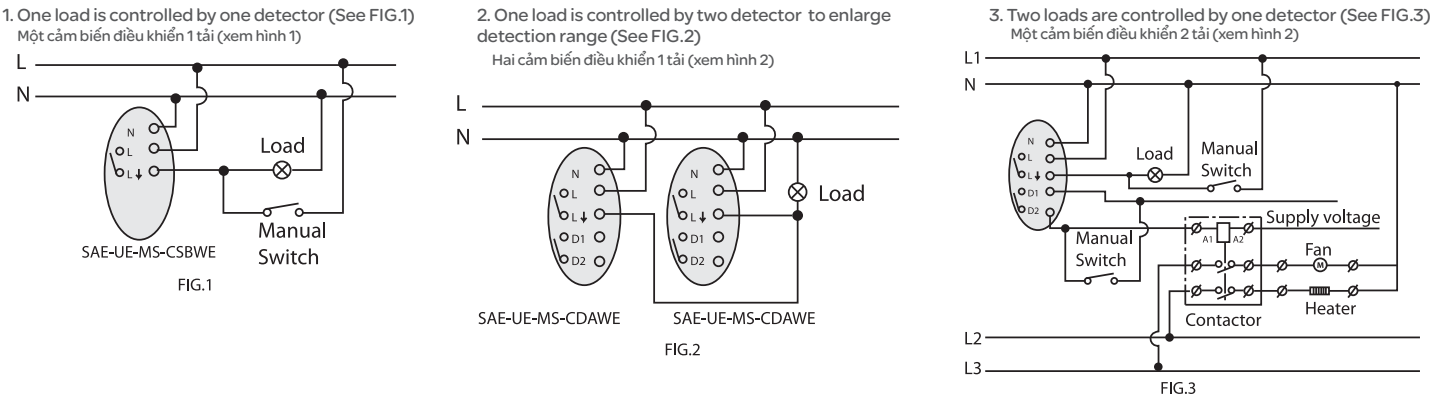
Mã hàng có đuôi _G19 thể hiện xuất xứ Việt Nam
Mã hàng có đuôi _WE thể hiện sản phẩm là màu trắng.
Giá trên đã bao gồm VAT

Wiring Diagram For Wall-Mount Occupancy Sensors
Sơ đồ mạch cho cảm biến gắn tường

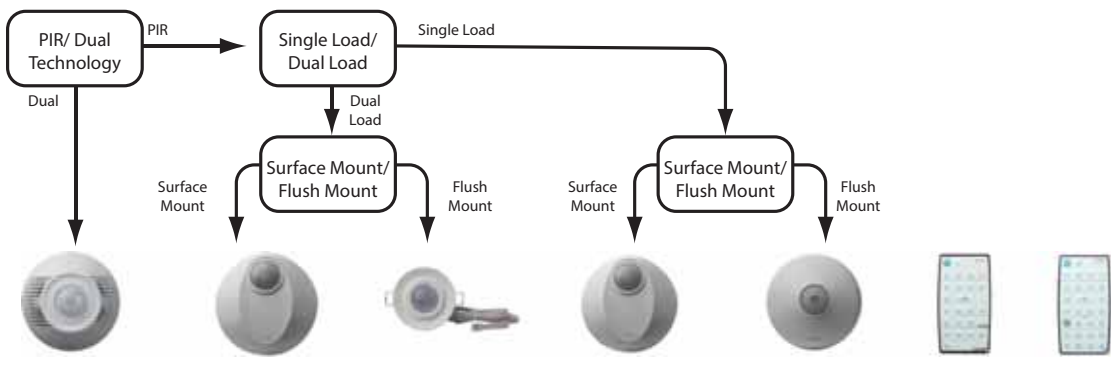
Ghi chú:
Các sơ đồ mạch điện trên chỉ áp dụng cho mã sản phẩm: SAE-UE-MS-CDAWE và SAE-UE-MS-CSBWE. Đối với mã hàng khác, quý khách hàng vui lòng liên hệ với hãng



Wiring Diagram For Ceiling-Mount Occupancy Sensors
Sơ đồ mạch cảm biến gắn trần



HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN SẢN PHẨM



Product Description

Mã hàng		SAE-UE-MS-CU-WE	SAE-UE-MS-CDAWE	SAE-UE-MS-CDBWE	SAE-UE-MS-CSBWE	SAE-UE-MS-CSAWE	SAE-UE-MS-IR-WE	SAE-UE-MS-IR10T
Mô tả		Flush/Surface Mount Single-Load 360° PIR and Ultrasonic Motion Sensor	Surface Mount Dual-Load 360° PIR Motion Sensor	Flush Mount Dual-Load 360° PIR Motion Sensor	Surface Mount Single-Load 360° PIR Motion Sensor	Flush/Surface Mount Single-Load 360° PIR Motion Sensor	IR Remote Controller (Optional)	IR Remote Controller for SAE-UE-MS-CU-WE (Optional)
Nguyên tắc cảm biến	Hồng ngoại	Có	Có	Có	Có	Có	—	—
	Sóng siêu âm	Có	—	—	—	—	—	—
Góc quét		360°	360°	360°	360°	360°	—	—
Khu vực quét		PIR: 8M (diameter) at 2,5M height	7M (diameter) at 2,5M height	7M (diameter) at 2,5M height	7M (diameter) at 2,5M height	7M (diameter) at 2,5M height	—	—
Tải 1	Đèn dây tóc	Max.2000W	Max.2000W	Max.2000W	Max.2000W	Max.2000W	—	—
	Đèn Halogen HV	Max.1000W	Max.1000W	Max.1000W	Max.1000W	Max.1000W	—	—
	Đèn Halogen LV	Max.1000VA	Max.1000VA	Max.1000VA	Max.1000VA	Max.1000VA	—	—
	Đèn huỳnh quang	Max.900VA/100F	Max.900VA/100F	Max.900VA/100F	Max.900VA/100F	Max.900VA/100F	—	—
	Đèn tiết kiệm điện	Max.900VA	Max.900VA	Max.900VA	Max.900VA	Max.900VA	—	—
	Đèn bóng xoắn	Max.600VA	Max.600VA	Max.600VA	Max.600VA	Max.600VA	—	—
Tải 2	Hệ thống lạnh	Chỉ dùng với tải 1 1) 10A max, for ≤ 250VAC, p.f. =1 2) 3A max, for ≤ 250VAC, p.f. =0,4 3) 5A max, for ≤ 30VDC	1) 5A max, for ≤ 250VAC, p.f. =1 2) 2A max, for ≤ 250VAC, p.f. =0,4 3) 5A max, for ≤ 30VDC	1) 5A max, for ≤ 250VAC, p.f. =1 2) 2A max, for ≤ 250VAC, p.f. =0,4 3) 5A max, for ≤ 30VDC	—	—	—	—
Mức điện áp		220 to 240Vac, 50/60Hz	230Vac +/- 10%, 50/60Hz	230Vac +/- 10%, 50/60Hz	230Vac +/- 10%, 50/60Hz	230Vac +/- 10%, 50/60Hz	CR2032 3V Battery	CR2032 3V Battery
Kiểu lắp đặt		Gắn trần (gắn âm hoặc gắn nổi)	Gắn trần (gắn nổi)	Gắn trần (gắn âm)	Gắn trần (gắn nổi)	Gắn trần (gắn âm hoặc gắn nổi)	—	—
Điều khiển từ xa		SAE-UE-MS-IR10T	SAE-UE-MS-IR-WE	SAE-UE-MS-IR-WE	SAE-UE-MS-IR-WE	No	—	—

THIẾT BỊ CÁP MẠNG



Digilink Cat5e solution
Giải Pháp cáp cấu trúc Digilink Cat5e

Đơn Giá (VNĐ)

DCECAUTP4P3X	(*)
Cáp mạng UTP Cat 5e, 4 đôi, 305m, màu xám	
DCECAUTP4P1X	(*)
Cáp mạng UTP Cat 5e, 4 đôi, 100m, màu xám	
DCEPCURJ01GYM	60.000
Cáp nhảy, Cat 5e, 1m, màu xám	
DCEPCURJ02GYM	85.000
Cáp nhảy, Cat 5e, 2m, màu xám	
DCEPCURJ03GYM	114.000
Cáp nhảy, Cat 5e, 3m, màu xám	
DCEPCURJ05GYM	144.000
Cáp nhảy, Cat 5e, 5m, màu xám	
DCEPP24UKY1U	2.374.000
Thanh đầu nối cáp Cat 5e, 24 cổng, kèm khay đỡ cáp	
DCEKYSTUWT	91.000
Ổ cắm dữ liệu Cat 5e	
DCRJ11KYNUWT	95.000
Ổ cắm điện thoại RJ11, Cat 3	

Digilink Cat 6 solution
Giải Pháp cáp cấu trúc Digilink Cat 6

Đơn Giá (VNĐ)

DC6CAUTP4P3X	(*)
Cáp mạng UTP Cat 6, 4 đôi, 305m, màu xám	
DC6CAUTP4P1X	(*)
Cáp mạng UTP Cat 6, 4 đôi, 100m, màu xám	
DC6PCURJ01GYM	78.000
Cáp nhảy Cat 6, 1m, màu xám	
DC6PCURJ02GYM	114.000
Cáp nhảy Cat 6, 2m, màu xám	
DC6PCURJ03GYM	133.000
Cáp nhảy Cat 6, 3m, màu xám	
DC6PCURJ05GYM	168.000
Cáp nhảy Cat 6, 5m, màu xám	
DC6PP24UKY1U	4.069.000
Thanh đầu nối cáp Cat 6, 24 cổng, 1U kèm khay đỡ cáp	
DC6PP24UKRHU	7.458.000
Thanh đầu nối cáp Cat 6, 24 cổng, 0.5U kèm khay đỡ cáp	
DC6KYSTUWT	135.000
Ổ cắm mạng Keystone, Cat 6	

Voice solution - Giải Pháp đầu nối thoại

ACTC5E110WMN100K	857.000
Bộ nối 100 đôi (gồm 20 khối 4 đôi + 4 khối 5 đôi), có chân	
ACTC5E110WMW50K	439.000
Bộ nối 50 đôi (gồm 10 khối 4 đôi + 2 khối 5 đôi), có chân	
ACTC5E110RM100P	645.000
Khung gắn tủ 19", 100 đôi cho data	
ACT3100F250MDF	1.518.000
Khung đầu nối 250 đôi, dùng với 25 phiên đầu nối/ ngắt	
ACT3100F540MDF	2.277.000
Khung đầu nối 500 đôi, dùng với 50 phiên đầu nối/ ngắt	
ACT3100VDM10	152.000
Phiên ngắt, 10 đôi, đánh số 1-10, 10-100	
ACT3100VCM10	152.000
Phiên đầu nối, 10 đôi, đánh số 1-10, 10-100	

Actassi solution - Giải Pháp cáp cấu trúc Actassi

ACT4P5EUCM3RBBU	(*)
Cáp mạng UTP Cat 5e, 4 đôi, 305m, màu xanh, cấp CM	
ACT4P6UCM3RBBU	(*)
Cáp mạng UTP Cat 6, 4 đôi, 305m, màu xanh, cấp CM	

Giá trên đã bao gồm VAT

* Giá cáp có thể thay đổi theo giá đồng nguyên liệu.
Vui lòng cập nhật giá hàng tháng.

Phích Cắm Di Động - Plug		IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKE16M423	136.400	
			32A	PKE32M423	250.800	
		3P+E 400V	16A	PKE16M434	165.000	
			32A	PKE32M434	289.300	
		4P+E 400V	16A	PKE16M435	195.800	
			32A	PKE32M435	295.900	
	IP67	2P+E 230V	16A	PKE16M723	348.700	
			32A	PKE32M723	467.500	
			63A	81378	1.031.800	
			125A	81390	2.399.100	
		3P+E 400V	16A	PKE16M734	400.400	
			32A	PKE32M734	500.500	
			63A	81382	1.091.200	
			125A	81394	2.477.200	
		4P+E 400V	16A	PKE16M735	426.800	
			32A	PKE32M735	543.400	
			63A	81383	1.267.200	
			125A	81395	2.538.800	

Ổ Nối Di Động - Connectors

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E	16A	PKF16M423	185.900
		230V	32A	PKF32M423	277.200
		3P+E	16A	PKF16M434	211.200
		400V	32A	PKF32M434	331.100
		4P+E	16A	PKF16M435	245.300
		400V	32A	PKF32M435	413.600
	IP67	2P+E	16A	PKF16M723	366.300
			32A	PKF32M723	517.000
			63A	81478	1.156.100
			125A	81490	3.099.800
		3P+E	16A	PKF16M734	410.300
			32A	PKF32M734	558.800
			63A	81482	1.288.100
			125A	81494	3.393.500
		4P+E	16A	PKF16M735	477.400
			32A	PKF32M735	608.300
			63A	81483	1.452.000
			125A	81495	3.553.000

Ổ Cắm Âm Dạng Thẳng

Straight Panel Mounted Socket

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16G423	184.800
			32A	PKF32G423	281.600
		3P+E 400V	16A	PKF16G434	206.800
			32A	PKF32G434	298.100
		4P+E 400V	16A	PKF16G435	225.500
			32A	PKF32G435	342.100
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16G723	389.400
			32A	PKF32G723	506.000
			63A	81678	973.500
			125A	81690	2.407.900
		3P+E 400V	16A	PKF16G734	447.700
			32A	PKF32G734	542.300
			63A	81682	1.106.600
			125A	81694	2.506.900
		4P+E 400V	16A	PKF16G735	511.500
			32A	PKF32G735	577.500
			63A	81683	1.131.900
			125A	81695	2.846.800

Ổ Cắm Âm Dạng Nghiêng

Angle Panel Mounted Socket

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16F423	184.800
			32A	PKF32F423	281.600
		3P+E 400V	16A	PKF16F434	206.800
			32A	PKF32F434	298.100
		4P+E 400V	16A	PKF16F435	225.500
			32A	PKF32F435	342.100
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16F723	389.400
			32A	PKF32F723	506.000
			63A	81278	973.500
			125A	81290	2.407.900
		3P+E 400V	16A	PKF16F734	447.700
			32A	PKF32F734	542.300
			63A	81282	1.106.600
			125A	81294	2.506.900
		4P+E 400V	16A	PKF16F735	511.500
			32A	PKF32F735	577.500
			63A	81283	1.131.900
			125A	81295	2.846.800

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ Cắm Nổi - Wall Mounted Socket		IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E	16A	PKF16W423	250.800	
		230V	32A	PKF32W423	413.600	
		3P+E	16A	PKF16W434	314.600	
		400V	32A	PKF32W434	457.600	
		4P+E	16A	PKF16W435	325.600	
		400V	32A	PKF32W435	452.100	
	IP67	16A	PKF16W723	502.700		
		2P+E	32A	PKF32W723	674.300	
		230V	63A	81178	1.469.600	
		125A	81190	3.778.500		
		3P+E	16A	PKF16W734	556.600	
		400V	32A	PKF32W734	694.100	
		63A	81182	1.523.500		
		125A	81194	3.957.800		
		4P+E	16A	PKF16W735	643.500	
		400V	32A	PKF32W735	819.500	
		63A	81183	1.765.500		
		125A	81195	4.062.300		

Ổ Nối Nhiều Ngã - Multi Adapter

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E	16A	PKZM403	1.355.200
		230V			
		3P+E	16A	PKZM405	1.370.600
		400V			
	IP67	2P+E	16A	PKZM703	1.593.900
		230V			
3P+E		16A	PKZM705	1.632.400	
400V					
	IP44	2P+E	16A	PKZM409	1.654.400
		230V			
		3P+E	16A	PKZM412	2.323.200
		400V			
	IP67	2P+E	16A	PKZM709	1.994.300
		230V			
		3P+E	16A	PKZM712	2.734.600
		400V			

Giá trên đã bao gồm VAT

CÔNG TẮC & Ổ CẮM PHÒNG THẨM NƯỚC SERIES 56



S56P315RP GY



S56SO313GY



S56SW110GY



WHS20_GY



S56C315 GY



S56E1

S56E2

Phích Cắm - Plug, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56P310GY	682.000
		13A	S56P313GY	540.100
		15A	S56P315GY	827.200
		15A	S56P315RPGY	772.200
		20A	S56P320GY	914.100
		32A	S56P332GY	959.200
4P	500V	20A	S56P420GY	1.057.100
		32A	S56P432GY	1.225.400
		50A	S56P450GY	1.225.400
5P	500V	20A	S56P520GY	1.225.400
		32A	S56P532GY	1.848.000
		40A	S56P540GY	1.848.000

Ổ Cắm - Surface Socket, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56SO310GY	583.000
		13A	S56SO313GY	644.600
		15A	S56SO315GY	982.300
		15A	S56SO315RPGY	1.188.000
		20A	S56SO320GY	1.087.900
		32A	S56SO332GY	1.213.300
4P	500V	20A	S56SO420GY	1.213.300
		32A	S56SO432GY	1.461.900
		50A	S56SO450GY	1.574.100
5P	500V	20A	S56SO520GY	1.906.300
		32A	S56SO532GY	1.906.300
		40A	S56SO540GY	1.906.300

Công Tắc - Switch, IP66

1P	250V	10A	S56SW110GY	599.500
		20A	S56SW120GY	719.400
		32A	S56SW132GY	750.200
2P	500V	20A	S56SW220GY	875.600
		32A	S56SW232GY	875.600
		50A	S56SW250GY	1.129.700
3P	500V	10A	S56SW310GY	825.000
		16A	S56SW316GY	987.800
		20A	S56SW320GY	1.263.900
		32A	S56SW332GY	1.263.900
		50A	S56SW350GY	1.430.000
		63A	S56SW363GY	1.430.000

Ổ Cắm Có Công Tắc - Switched Socket, IP66

3P	250V	10A	S56C310GY	1.157.200
		13A	S56C313GY	1.179.200
		15A	S56C315GY	1.722.600
4P	500V	15A	S56C315RPGY	1.688.500
		20A	S56C320GY	1.532.300
		32A	S56C332GY	2.224.200
5P	500V	20A	S56C420GY	2.224.200
		32A	S56C432GY	2.224.200
		50A	S56C450GY	2.668.600
		20A	S56C520GY	4.002.900
		32A	S56C532GY	4.180.000
		40A	S56C540GY	4.180.000

Hộp Đế - Mounting Enclosure, IP66

101x101x38	S56ES1GY_G15	138.600
101x198x38	S56ES2GY_G15	170.500
101x101x63	S56E1GY_G15	156.200
101x198x63	S56E2GY_G15	298.100

Giá trên đã bao gồm VAT

Ngắt Điện Phòng Thẩm Nước - Isolator, IP66

1P	250V	20A	WHS20_GY	848.100
		35A	WHS35_GY	907.500
		55A	WHS55_GY	929.500
2P	500V	20A	WHD20_GY	895.400
		35A	WHD35_GY	946.000
		55A	WHD55_GY	1.223.200
3P	500V	63A	WHD63_GY	1.287.000
		20A	WHT20_GY	947.100
		35A	WHT35_GY	1.238.600
		55A	WHT55_GY	1.426.700
		63A	WHT63_GY	1.602.700
		80A	WHT80_GY	2.586.100

Plug Configurations

2 & 3 Pin



10A 250V
A



15A 250V
B



10A 250V
C



10A 110V
D



16A 500V
(unique)
M



32A 500V
N



40A 500V
O



50A 500V
P

5 Pin



15A 32V
Polarised
E



20A 250V
F



10A 250V
G



20A 250V
H



32A 250V
I



10A 500V
Q



20A 500V
R



32A 500V
S



40A 500V
T



50A 500V
U

6 Pin



10A 110V
J

4 Pin



10A 500V
K



20A 500V
L

7 Pin



10A 500V
W



20A 500V
X

Socket Configurations

2 & 3 Pin



10A 250V
A



15A 250V
B



10A 250V
C



10A 110V
D



16A 500V
(unique)
M



32A 500V
N



40A 500V
O



50A 500V
P



15A 32V
Polarised
E



20A 250V
F



10A 250V
G



20A 250V
H



32A 250V
I



10A 500V
Q



20A 500V
R



32A 500V
S



40A 500V
T



50A 500V
U

6 Pin



10A 110V
J



10A 500V
V

4 Pin



10A 500V
K



20A 500V
L

7 Pin



10A 500V
W



20A 500V
X